

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 15-7-2019.

V/v: “*Kiến lý hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Ksor Y Nai - Cán bộ hưu trí.

2, Ông Võ Ánh Sửu – Cán bộ hưu trí.

-Thư ký phiên Tòa: Ông Hoàng Công Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15/7/2019 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 128/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2019 về việc “*Kiến lý hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị L, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn 7, xã N, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Bùi Thanh M, sinh năm 1979 (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Nơi cư trú: Thôn 7, xã N, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Đinh Thị L và anh Bùi Thanh M về chung sống với nhau từ tháng 3/2006 đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, sau khi về sống chung hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2014 do anh M nghiện rượu bỏ bê công việc, mỗi lần chị L khuyên nhủ thì xảy ra mâu thuẫn, đánh đập chị L. Đến cuối năm 2018 chị L và anh M sống ly thân từ đó đến nay, hiện cuộc sống không thể kéo dài được nữa, nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn với anh M.

- Về con chung: Chị L, anh M có 01 người con chung là Bùi Đình Hải Y, sinh ngày 02/9/2012. Nếu ly hôn chị L nhận nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại chị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ anh Bùi Thanh M là bị đơn: Cố tình lẫn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của anh M về yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Pháp luật về tố tụng: Việc chị Đinh Thị L khởi kiện tại tòa án yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Thanh M, Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Bùi Thanh M vẫn vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được mà tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi anh M cư trú. Theo quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Pháp luật về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Đinh Thị L và anh Bùi Thanh M về chung sống với nhau từ tháng 3/2006 đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H. Sau một thời gian sống chung hạnh phúc, thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M thường xuyên uống rượu bỏ bê công việc gia đình mà còn đánh đập chị L, hiện chị L không còn tình cảm gì với anh M, cuộc sống của vợ chồng không thể kéo dài được nữa, nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh M.

Căn cứ vào lời khai của đương sự và qua xác minh tại chính quyền địa phương thì chị L và anh M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh M là người nghiện rượu và có hành vi đánh đập chị L nhiều lần, hiện tại hai người đã sống ly thân. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh M ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc chị L yêu cầu ly hôn với anh M là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị L, anh M có 01 người con chung, xét nguyện vọng nuôi con chung của chị L và hiện con chung đang còn nhỏ, nên cần giao con chung là Bùi Đình Hải Y, sinh ngày 02/9/2012 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại chị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

Anh M có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đinh Thị L được ly hôn với anh Bùi Thanh M.

2. Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

2.1. Giao con chung là Bùi Đình Hải Y, sinh ngày 02/9/2012 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại chị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

Anh M có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Chị Đinh Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo theo biên lai số AA/2017/0010872 ngày 02/4/2019.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ